

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**Tập 118****Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không****Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa****Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm ba mươi bảy, dòng thứ hai từ dưới đếm lên, xem từ câu cuối cùng, xem từ “*nư Chân Giải viết*” (như sách Chân Giải nói), xem từ đoạn này.

“*Nư Chân Giải viết: Nhị Thừa tuy đắc tam Không môn, duy trảm Thiên Không. Bồ Tát bất nhiên, năng đạt huyễn võng, đắc bình đẳng pháp. Cố tuy trụ tam Không môn, nhi bất trụ vô vi, bất trụ hữu vi. Cố năng hành Thanh Văn, năng hành Duyên Giác, nhi siêu việt Thanh Văn, Duyên Giác chi địa*” (như sách Chân Giải nói: “Nhị Thừa tuy đắc ba Không môn, nhưng chỉ chìm đắm trong Thiên Không. Bồ Tát chẳng vậy, có thể thấu đạt lưới huyễn, đắc pháp bình đẳng. Vì thế, tuy trụ trong ba Không môn, nhưng chẳng trụ vô vi, chẳng trụ hữu vi. Vì thế, có thể hành Thanh Văn, có thể hành Duyên Giác, vượt trội địa vị Thanh Văn và Duyên Giác”). Trong buổi học trước, chúng ta học đến chỗ này, hôm nay, tôi sẽ nói từ đoạn này. Đây là nói những vị Bồ Tát tham dự pháp hội này đều đắc ba Không môn, kinh nói Tam Không là “*nhập Không, Vô Tướng, Vô Nguyên pháp môn*”, ba môn này Tiểu Thừa và Đại Thừa đều nói tới. Tuy người Nhị Thừa là Thanh Văn và Duyên Giác chấp trước Không, họ chấp trước Không Môn, nhập Không Môn, bèn chấp trước Không Môn; do đó, họ chẳng có cách nào tiến cao hơn. Bồ Tát thông minh hơn họ, Bồ Tát có thể thấu đạt lưới huyễn, biết Hữu Môn là huyễn. Hữu chẳng phải là Chân Hữu, Không cũng chẳng phải là Chân Không. Không và Hữu bất nhị. Đại Thừa Bồ Tát liễu giải chân tướng sự thật này, nhưng Tiểu Thừa chẳng liễu giải, nên nhập Không bèn trụ Không, nghe đức Phật nói hết thấy Hữu là giả: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, họ bèn buông tướng hư vọng xuống, trụ vào Không. Thật ra, đó vẫn là sai lầm, chẳng phải là thật sự giác ngộ. Bồ Tát biết chân tướng của Không và Hữu, nên đắc pháp bình đẳng, Không và Hữu bất nhị, Không và Hữu như một; đó là pháp bình đẳng. Tuy trụ ba Không môn, Ngài chẳng chấp trước hai bên Không và Hữu, mà cũng có thể nói là đối với hai bên Không và Hữu, tức là hai bên Tánh và Tướng, Tánh là Không, Tướng là Hữu; đối với hai bên đều chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước. Vì thế, Ngài có thể hành Thanh Văn, mà cũng có thể hành Duyên Giác. Thanh Văn, nếu nói theo hiện thời, là từ giáo học mà khai ngộ, Ngài có thể dùng phương pháp này, mà cũng có thể dùng hiện tượng đại tự nhiên như một thứ chỉ dạy, khơi gợi người tu hành, đó là Duyên Giác. Ngài đã đạt đến cảnh giới vô chướng ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại; vì thế, có thể vượt trội các địa vị Thanh Văn và Bích Chi Phật.

“*Hựu Đại Bảo Tích Kinh, Thiện Đức Thiên Tử Hội thuyết*” (lại nữa, trong hội Thiện Đức Thiên Tử của kinh Đại Bảo Tích), hội này cũng do Thích Ca Mâu Ni Phật giảng; trong ấy, đức Phật có nói mấy câu như thế này: “*Dĩ Thanh Văn pháp giáo hóa chúng sanh, cố ngã thị Thanh Văn. Dĩ Bích Chi Phật pháp hóa ích chúng sanh, cố ngã thị Bích Chi Phật. Dĩ đại bi pháp giáo hóa chúng sanh, cố ngã thị Bồ Tát. Ư nhất thiết pháp đắc giải*”

thoát, nhất thiết vô ngại cố. Tùng sở hóa chúng sanh, hoặc dĩ Thanh Văn pháp hóa ích, hoặc dĩ Bích Chi Phật pháp hóa ích, hoặc dĩ Bồ Tát pháp hóa ích. Cố ngã thị Thanh Văn, ngã thị Duyên Giác, ngã thị Bồ Tát” (Dùng pháp Thanh Văn giáo hóa chúng sanh, nên ta là Thanh Văn. Dùng pháp Bích Chi Phật giáo hóa, lợi ích chúng sanh, nên ta là Bích Chi Phật. Dùng pháp đại bi giáo hóa chúng sanh, nên ta là Bồ Tát. Trong hết thầy các pháp đặc giải thoát, nên hết thầy vô ngại. Do giáo hóa chúng sanh, hoặc dùng pháp Thanh Văn để giáo hóa, lợi ích, hoặc dùng pháp Bích Chi Phật để giáo hóa, lợi ích, hoặc dùng pháp Bồ Tát để giáo hóa, lợi ích, nên ta là Thanh Văn, ta là Duyên Giác, ta là Bồ Tát). Đoạn kinh này nói rõ, các vị Pháp Thân Bồ Tát và Như Lai chẳng sai biệt, nên dùng thân gì để giáo hóa, các Ngài bèn hiện thân ấy. Ở chỗ này, đối tượng toàn là đệ tử trong Phật môn, có duyên với Phật. Phật, Bồ Tát có thể hiện thân A La Hán, tức là Thanh Văn, dùng thân phận A La Hán để giáo hóa chúng sanh. Vì sao? Chúng sanh là căn tánh Tiểu Thừa, quý vị phải dùng thân phận căn tánh Tiểu Thừa để dạy họ. Họ là căn tánh Duyên Giác Thừa, quý vị bèn thị hiện Duyên Giác. Họ là căn tánh Bồ Tát, quý vị bèn hiện làm Bồ Tát. Chúng tôi dùng tỷ dụ để nói, chư vị sẽ hiểu rõ hơn. Phật, Bồ Tát là nhà đại giáo dục, là một vị thầy tốt thật sự, đối với học trò Tiểu Học, dạy học tại trường Tiểu Học, các Ngài là giáo viên Tiểu Học. Dạy học tại trường Trung Học, các Ngài là giáo viên Trung Học. Dạy học tại Đại Học, các Ngài là giáo sư Đại Học, hoàn toàn tùy thuộc đối tượng. Đối tượng như thế nào, các Ngài bèn chuyển biến thân phận [như thế ấy]. Đoạn này nhằm nói lên ý nghĩa sau đây: Tùy loại hóa thân. Nếu nói theo tôn giáo, đối tượng là tín đồ Phật giáo bèn dùng thân phận trong Phật giáo để giáo hóa, nay chúng ta gọi [những vị ấy] là A Xà Lê trong Phật môn. Nếu đối tượng là thân phận Cơ Đốc Giáo, là căn tánh Cơ Đốc Giáo, các Ngài bèn hiện thân phận Gia Tô (Jesus) để dạy họ, khác nhau! Căn tánh gì bèn hiện thân tướng đó. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, tức là thật sự thấu hiểu: Các tôn giáo trên thế giới là một nhà. Tôi qua lại với rất nhiều tôn giáo, [nhận thấy] tất cả những vị thánh nhân sáng lập tôn giáo đều là hóa thân của một Chân Thần. Tôi nói như vậy, quý vị có tin hay không? Nhiều năm qua, chẳng có ai phản đối, mọi người đều cảm thấy có lý, xác thực là một chân thần thị hiện nơi đó. Trong đoạn kinh văn này, những vị Pháp Thân đại sĩ tượng trưng cho chân thần. Quý vị thấy: Do căn tánh của chúng sanh bất đồng, các Ngài bèn hiện các thân bất đồng, thuyết pháp bất đồng, khiến cho hết thầy chúng sanh ai nấy đạt được lợi ích hiện tiền. Mọi người hiểu rất rõ lợi ích hiện tiền cần thiết của chính mình, các Ngài cũng đem lại cho họ lợi ích vĩnh viễn, đó mới là viên mãn.

Cuối cùng, cụ Hoàng Niệm Tổ tổng kết: “*Thử minh chư đại sĩ thiện xảo phương tiện*” (đây là nói rõ phương tiện thiện xảo của các vị đại sĩ). Nói rõ trong đại hội Vô Lượng Thọ, trong hội ấy, đức Phật giảng kinh Vô Lượng Thọ, những vị đại Bồ Tát, các vị đại sĩ đến tham gia pháp hội, các vị đại sĩ là đại Bồ Tát. Quý vị thấy người Hoa thường nói Quán Âm Đại Sĩ, gọi theo tiếng Phạn sẽ là Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát, Ma Ha Tát (Mahasattva) là Đại Bồ Tát, tức Pháp Thân Bồ Tát. Những vị Bồ Tát này trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Chư Phật Như Lai, chỉ có chư Phật Như Lai trụ trong Thường Tịch Quang Tịnh Độ, kinh Hoa Nghiêm nói là Diệu Giác, Diệu Giác trụ trong Thường Tịch Quang. Bốn mươi một địa vị từ Sơ Trụ cho đến Đẳng Giác trụ trong cõi Thật Báo đều được gọi là Đại Sĩ. Quý vị thấy các Ngài phương tiện thiện xảo. “*Tùy cơ độ sanh*”: Nên dùng thân gì để đặc độ, bèn hiện thân ấy. Các Ngài chẳng có thân, chẳng có thân bèn gọi là Pháp Thân; do chẳng có thân, nên có thể hiện hết thầy các thân. Trong loài người chúng ta,

quý vị thấy loài người vẽ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Biến Tướng Đồ¹ thì trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là người; Phật, Bồ Tát cũng là thân người. Nếu là chư thiên, đức Phật giảng kinh Vô Lượng Thọ trên cõi trời, giảng về thế giới Cực Lạc thì trong Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đồ toàn là thân tướng chư thiên. Phải hiểu điều này! Chẳng phải là cố định, chẳng nhất định, Phật không có pháp cố định để có thể nói. Đức Phật chẳng có pháp để có thể nói, đức Phật thuyết pháp luôn “*thuận theo tâm chúng sanh, ứng với khả năng hiểu biết của họ*”. Do vậy, chúng tôi bèn liên tưởng, nếu những vị đại Bồ Tát thấy duyên của chúng sanh trong súc sanh đạo đã chín muồi, sẽ thật sự hiện thân súc sanh để giảng về thế giới Cực Lạc, khuyên dạy các súc sanh ấy niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, chuyện này chẳng giả! [Khi đó], các Ngài vẽ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đồ toàn là súc sanh. Trong ngạ quỷ đạo, Cực Lạc Thế Giới Biến Tướng Đồ toàn là ngạ quỷ, nhất định phải hiểu đạo lý này. Đó gọi là “*phương tiện thiện xảo, tùy cơ độ chúng*”.

Vì thế, ở đây, các Ngài “*thị hiện Nhị Thừa*”. Tuy thị hiện Nhị Thừa “*nhi ly Thanh Văn, Bích Chi Phật chi tướng*” (nhưng là tướng Thanh Văn, Bích Chi Phật), đó là siêu việt, là nguyên lý. Trong loài người, Bồ Tát thị hiện thân người, hóa độ mọi người thì cũng chẳng lìa tướng người, nhưng Ngài chẳng chấp tướng. Bất luận thị hiện ở chỗ nào, thị hiện trong đường nào, chúng ta hãy nhớ một nguyên tắc, các Ngài chắc chắn chẳng khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm còn không có, lấy đâu ra phân biệt, chấp trước? Nguyên tắc này vĩnh hằng bất biến, nên gọi là chân lý. Trong kiến trúc của Phật giáo Trung Quốc, chúng ta đến viếng một ngôi chùa, quý vị thấy đầu tiên là sơn môn, Thiên Vương Điện và thần Hộ Pháp. Hai bên sơn môn thờ Tứ Đại Thiên Vương, chính giữa thờ Di Lặc Bồ Tát. Tượng Di Lặc Bồ Tát luôn tạc hình Bồ Đại hòa thượng đời Tống. Lúc lâm chung, Bồ Đại hòa thượng bảo mọi người Ngài là Di Lặc Bồ Tát hóa thân. Nói xong, ngồi xếp bằng mà tịch, đó là thật, chẳng giả. Nói là Phật, Bồ Tát chi đó tái lai, nói xong chẳng đi, tức là giả, chẳng thật! Thân phận vừa bộc lộ, bèn ngay lập tức ra đi, bất luận do chính mình nói hay do người khác nói; nếu thân phận bị bộc lộ bèn ra đi. Do vậy, tại Trung Quốc, từ đó trở đi, hễ tạo tượng Di Lặc Bồ Tát, bèn tạc tượng Bồ Đại hòa thượng. Tại Trung Quốc, Bồ Đại hòa thượng biểu thị pháp gì? Biểu thị đại từ đại bi, phô ra khuôn mặt tươi cười đón tiếp người khác, biểu thị sự đối đãi bình đẳng, đối xử hòa hài với nhau, biểu thị điều này. Người biết nhìn, sẽ có thể thấy sâu hơn nữa, Ngài biểu thị buông xuống, buông xuống vạn duyên. Ngài hằng ngày khát thực trên đường, người khác cúng dường Ngài thứ gì, Ngài đều bỏ vào trong túi vải; mỗi ngày Ngài xách một cái túi vải to. Đã có người hỏi Ngài: “Phật pháp là gì?” Lão nhân gia buông túi vải xuống đất, hai tay buông thõng. Người khác thấy dáng vẻ ấy liền biết là buông xuống. Buông xuống là Phật pháp, người ta nhìn bèn hiểu là “buông xuống”. Lại hỏi lão nhân gia, sau khi đã buông xuống thì nên làm như thế nào? Ngài cầm lấy túi vải, đặt trên lưng bước đi, chẳng ngoảnh đầu lại. Ý nghĩa gì vậy? Sau khi đã buông xuống, bèn nâng lên; nâng lên là hóa độ chúng sanh. Buông xuống là chính mình, giống như Ly (rời lìa) đang được nói ở đây; Ly là buông xuống. Quý vị thấy “*thị hiện Thanh Văn, Bích Chi Phật*” là nâng lên, [tức là] nên dùng thân gì để đắc độ, bèn

¹ Biến Tướng Đồ (變相圖, hay còn gọi tắt là Biến) là những tranh ảnh hoặc điêu khắc trong Phật giáo nhằm thể hiện những câu chuyện trong kinh. Biến Tướng Đồ phổ biến nhất là các loại miêu tả địa ngục hay Tịnh Độ của chư Phật như Tây Phương Cực Lạc Tịnh Độ hoặc cõi Lưu Ly của Dược Sư Phật.

hiện thân ấy. Tuy hiện thân độ chúng sanh, chính mình chẳng chấp trước dấu vết, đó là buông xuống. Buông xuống và nâng lên là cùng một chuyện, chẳng phải là hai chuyện. Thấy thấu suốt vốn là buông xuống, buông xuống là thấy thấu suốt. Hoặc chúng ta nói cách khác, nâng lên là buông xuống, buông xuống là nâng lên, là một, không hai. Đó là diệu pháp. Buông xuống nhưng chẳng nâng lên, nâng lên mà chẳng buông xuống thì pháp ấy chẳng diệu! Quý vị thấy diệu ở chỗ “*hành thể gian pháp, nhưng chẳng chấp thể gian pháp*”, đó là Diệu. Cùng hết thấy chúng sanh hòa quang đồng trần, nhưng trên thực tế, chẳng nhiễm mảy trần, cùng đại chúng hòa quang đồng trần, nhưng chẳng nhiễm mảy trần. Đó là Bồ Tát đại triệt đại ngộ chẳng trụ vô vi, chẳng trụ hữu vi, có thể hành thể gian pháp, nhưng y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới chẳng mảy may trở ngại Ngài, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại.

Câu kế tiếp là “*khế nhập tam-muội*”. Ba chuyện này còn gọi là Tam Giải Thoát Môn. Chữ Giải (解) đọc giọng Khứ Thanh, đọc giống như Tạ (謝)², dùng làm động từ, chẳng phải là danh từ, mà dùng như động từ. Quý vị thật sự đắc đại tự tại, thật sự đắc giải thoát. “*Giải*” là giải trừ phiền não, tập khí chẳng còn nữa. “*Thoát*” là thoát ly lục đạo luân hồi, thoát ly mười pháp giới, thoát ly sanh tử khổ não, [gồm có] ba môn! Trước hết, chúng tôi giới thiệu ba môn ấy đôi chút, sau đó mới đọc những dẫn chứng trong sách Chú Giải. [Định nghĩa giản lược của] ba môn giải thoát [như tôi sẽ trình bày dưới đây] được trích lược từ Tam Tạng Pháp Số³, có xuất xứ là trích dẫn từ sách Pháp Giới Thứ Đệ⁴ của tông Hoa Nghiêm. Trước hết là phần giới thiệu sơ lược, “*giải thoát, tức tự tại chi nghĩa dã*” (giải thoát nghĩa là tự tại). Thành Phật là chứng đắc Tam Đức Bí Tạng. Tam Đức Bí Tạng là Pháp Thân, Bát Nhã, và Giải Thoát, ba điều này vốn có trong tự tánh. Như chúng tôi vừa mới nói, Bồ Tát có thể hiện thân khắp pháp giới, hiện vô lượng vô biên thân, tự tại. Hiện thời, chúng ta chẳng có bản lãnh ấy, còn Ngài đắc đại tự tại. Trọn đủ trí huệ viên mãn, tướng hảo viên mãn. Tướng hảo viên mãn là thứ gì cũng chẳng khiếm khuyết, có thể hiện y báo và chánh báo trang nghiêm của Phật, Bồ Tát, mà cũng có thể hiện nạ quý, địa ngục, không có điều gì chẳng thể hiện, đây mới là tướng hảo trang nghiêm. Quý vị có thể hiện

² Đây là cách đọc theo âm Quan Thoại. Chữ Giải dùng như danh từ sẽ đọc là Jiě, còn dùng như động từ sẽ đọc là Xiè (giống như âm đọc của chữ Tạ trong Quan Thoại). Âm Hán Việt chỉ đọc là Giải (tuy có một số trường hợp, theo cụ Thiệu Chử, phải đọc là Giải (với ý nghĩa giải tù đi, hoặc đỗ đầu khoa thi Hương được gọi là Giải Nguyên), hoặc Giới như con Giới Trãi (解廌) là một loài thú giống như hươu, nhưng chỉ có một sừng; nhưng do thói quen, chẳng ai đọc chữ này là Giải hoặc Giới).

³ Tam Tạng Pháp Số, tên gọi đầy đủ là Đại Minh Tam Tạng Pháp Số, là một từ điển về các danh từ thuật ngữ Phật Học do ngài Nhất Như chủ biên vào đời Minh, gồm năm mươi quyển, hoàn thành trong niên hiệu Vĩnh Lạc. Nội dung gồm 1.555 từ ngữ, khởi đầu bằng Nhất Tâm và kết thúc bằng Bát Vạn Tứ Thiên Pháp Môn. Mỗi từ ngữ đều được chú giải tỉ mỉ, ghi rõ những lời trích dẫn phát xuất từ kinh, luận nào. Ngài Nhất Như quê ở Côi Kê, là đệ tử của cao tăng Cụ Am, trụ tại chùa Thiên Trúc. Năm Vĩnh Lạc 17 (1419), Sư vâng chiếu giáo duyệt Đại Tạng Kinh và biên soạn tác phẩm này.

⁴ Pháp Giới Thứ Đệ có tên gọi đầy đủ là Pháp Giới Thứ Đệ Sơ Môn do ngài Trí Khải (Trí Giả đại sư, Thiên Thai đại sư) soạn vào đời Tùy, nương theo thứ tự các nghĩa lý để giải thích các danh từ pháp số thường gặp.

Phật, Bồ Tát, chẳng thể hiện thân địa ngục, thì tướng hảo của quý vị chẳng thể coi là viên mãn. Thứ gì cũng đều có thể hiện, như tỷ dụ của cổ đại đức: “*Dùng vàng làm đồ vật, món gì cũng đều là vàng*”. Chúng ta dùng một khối vàng tạc tượng Phật, mọi người trông thấy ưa thích, thờ tại đó, hằng ngày lễ bái. Chúng ta vẫn dùng bức tượng Phật ấy, đúc lại thành hình tượng ngạ quỷ hay đúc thành hình tượng địa ngục, vẫn là cùng một bức tượng, chẳng thay đổi, chỉ là hình dạng bị biến đổi. Quý vị bèn khởi lên phân biệt, chấp trước, đây là tượng ngạ quỷ, đây là tượng địa ngục, sanh tâm khinh mạn đối với nó, chẳng cung kính ngàn ấy nữa! Sai mất rồi! Nó vốn là tượng Phật, là tượng Phật được đúc lại [thành hình dạng khác], nó vốn là tượng Phật mà! Do vậy, đức Phật nói “*hết thấy chúng sanh vốn là Phật*”. Tổ tiên chúng ta thường nói “*bốn tánh vốn lành*”, lành chính là Phật. Vốn là Phật, có sao tướng ấy mới biến đổi đôi chút, quý vị bèn dậy lên phân biệt, chấp trước? Sai mất rồi. Trong chân tâm, không có phân biệt, không có chấp trước, không có nhiễm bản, không có dao động, như như bất động, chẳng có khởi tâm động niệm. Nay chúng ta đã mê, mê mất chân tâm, trong hết thấy hiện tượng bèn sanh khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, mê nơi tướng, chẳng thấy tánh. Xin hỏi quý vị, đó là ai? [Quý vị bèn trả lời] là Bồ Tát, là chư thiên, là ngạ quỷ, là súc sanh, quý vị mê nơi tướng! Hỏi quý vị vàng ở chỗ nào? [Quý vị khăng khăng]: “*Chẳng có vàng! Nơi đây không có vàng, chỉ có tượng Bồ Tát, chỉ có hình tượng súc sanh, chỉ có tượng ngạ quỷ, chẳng có vàng!*” Kẻ ấy chẳng biết các tướng đó là vàng, phạm phu thuộc vào trạng thái như thế, đã mê mất rồi! Nếu giác ngộ, vàng ở chỗ nào? Tùy tiện cầm lấy thứ nào, cũng đều là vàng, chẳng sai, toàn thể đều là vàng! Nói theo Tánh thì hoàn toàn bình đẳng. Nói theo Tướng bèn khác nhau. Bồ Tát thông đạt Tánh - Tướng bất nhị; phạm phu mê mất tự tánh, chấp trước huyễn tướng, trong bất nhị lại phân biệt thành hai, chấp trước thành hai, phiền phức nảy sanh từ đó. Vì thế, Giải Thoát có nghĩa là “*tự tại*”. “*Môn*” có nghĩa là thông đạt, chẳng phải là thật sự có Môn ấy!

“*Vị do thủ tam giải thoát môn, tác năng thông chí Niết Bàn, cố danh tam giải thoát môn*” (Nghĩa là do giữ lấy ba môn giải thoát, nên có thể thông đạt Niết Bàn; vì thế, gọi là Tam Giải Thoát Môn). Quý vị thấy ba thứ giải thoát môn này có thể kiến tánh, có thể thấy chân tánh. Bất cứ một môn nào trong ba môn đều được. Môn thứ nhất là Không, có thể từ Không Môn trực tiếp minh tâm kiến tánh. Môn thứ hai là từ Vô Tướng, biết tất cả hết thấy các tướng chẳng thật, tướng đều là huyễn tướng. Kinh thường nói là “*lià hết thấy tướng, tức là hết thấy các pháp*”, hề lià tướng bèn là tánh. Loại thứ ba là Vô Tác. Vô Tác còn gọi là Vô Nguyện, chẳng có bất cứ điều gì mong cầu, vì sao? Mong cầu là vọng tưởng, trong tự tánh chẳng có vọng tưởng, buông hết thấy mong cầu xuống bèn kiến tánh. Vô nguyện, vô cầu, tự tánh hiện tiền. Do ba môn này, có thể trực tiếp minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Trước hết, chúng tôi giới thiệu những môn này đôi chút. Thứ nhất là “*Không giải thoát môn, vị quán nhất thiết pháp, giai từng nhân duyên hòa hợp nhi sanh, tự tánh bản Không*” (Không giải thoát môn, nghĩa là quán hết thấy các pháp đều do nhân duyên hòa hợp mà sanh, tự tánh vốn là Không). Hết thấy các pháp chẳng có tự thể; tự tánh, tánh là thể chất. [Các pháp] chẳng có tự thể, nên Thể đúng là Không. Hiện thời, các nhà Lương Tử Lục Học bảo chúng ta, vật chất rốt cuộc là gì? Hiện tại, đây là ngành khoa học kỹ thuật tiên phong, họ đã phát hiện: Chẳng có vật chất. Vật chất là một huyễn tướng do ý niệm tích lũy liên tục. Nói theo cách này thì tự tánh vốn Không, nên nếu chúng ta chấp trước [vật chất] là có thì sai mất rồi, đã mê rồi! Quý vị phải biết: Có là Không, Không là Có. Tâm Kinh dùng Sắc để làm đại biểu, Sắc đại biểu vật chất. “*Sắc tức là Không, Không tức là Sắc,*

Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc”, cùng một thứ! Không và Sắc là cùng một thứ. Sắc là gì? Là Không, Không là vọng niệm. Vọng niệm tích lũy thành hiện tượng. Bốn câu trong Tâm Kinh đã giảng thấu suốt: “*Sắc tức là Không, Không tức là Sắc. Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc*”. Giảng thấu suốt, hiện thời điều này đã được các nhà khoa học Lượng Tử chứng minh.

Quý vị hiểu rõ đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật “*vạn pháp đều là Không*”. Có Tướng hay không? Tướng là có. Tướng có trở ngại Không hay chẳng? Chẳng trở ngại Không! Không cũng chẳng trở ngại Có, Không và Có vô ngại. Đó là quý vị thật sự thông đạt, hiểu rõ! Vì thế, nói hết thấy các pháp là do các duyên hòa hợp sanh ra; ý niệm là nhân, tích lũy là duyên, vọng niệm tích lũy liên tục thành hiện tượng. Chúng ta coi chúng là vật chất, thấy chúng là Sắc pháp. Hiện tượng vật chất vô lượng vô biên, thiên sai vạn biệt. Có những thứ vật chất hết sức kiên cố, [thí dụ như] những thứ kim loại nặng hết sức kiên cố, đó là gì? Các nhà khoa học cho biết, hiện tượng sanh khởi chẳng ngoài chấn động. Chấn động thuộc về năng lượng. Chấn động đương nhiên có tần số. Tần số khác nhau. Tần số chậm bèn biến thành kim loại nặng. Tần số chấn động nhanh hơn một chút, bèn biến thành bùn cát. Cây cối, hoa, cỏ, da dẻ trên thân thể chúng ta đều là những chấn động tương đối nhanh một chút. Nhanh hơn chút nữa bèn biến thành sóng điện từ trong hiện thời. Hiện thời, nhân loại ứng dụng sóng điện từ để chế tạo nhiều thứ máy móc chạy bằng điện, như hiện nay chúng ta coi TV, truyền tin bằng vô tuyến điện, hay mạng Internet, đó là những thứ có tần số chấn động cao. Hiện tượng vật chất dầu nhiều, nhưng toàn là tần số chấn động khác nhau, nên những hiện tượng được hiện ra cũng chẳng thật. Vì lẽ đó, bất cứ hiện tượng vật chất hay tinh thần nào đều có thể trở về năng lượng, tức là các thứ chấn động đều có thể quy hồi [năng lượng], chẳng khác nhau, là pháp bình đẳng. Do vậy, trong ấy là Vô Ngã. Chữ Vô này thông với những chữ sau, tức là Vô Ngã, Vô Ngã Sở. Ngã còn không có, đương nhiên chẳng có Ngã Sở. Nói đến những thứ được sở hữu bởi Ngã thì là chuyện chẳng có, Ngã và Ngã Sở đều bất khả đắc.

“*Nhược năng như thị thông đạt, tắc ư chư pháp nhi đắc tự tại, cố danh Không giải thoát môn*” (nếu có thể thông đạt như thế, bèn được tự tại nơi các pháp; vì thế, gọi là Không Giải Thoát môn). Nếu quý vị hoàn toàn hiểu rõ, minh bạch, thông đạt đạo lý này, quý vị được đại tự tại trong hết thấy các pháp, vì sao? Chẳng còn chấp trước nữa, mà cũng chẳng còn phân biệt nữa. Nay chúng ta chẳng tự tại trong hết thấy các pháp, nguyên nhân ở chỗ nào? Ta muốn chiếm hữu, muốn không chế chúng, há có thể tự tại ư? Thân còn chẳng chiếm hữu được, chẳng không chế được, lại toan chiếm hữu vật ngoài thân, há chẳng phải là dấy vọng tưởng ư? Đó là tự chuốc khổ! Nếu có thể không chế cái thân, sẽ là [thân] Kim Cang bất hoại thì tốt hơn nhiều! Chẳng cần nói tới các vị Pháp Thân Bồ Tát, chúng ta nói tới phàm phu cao cấp; trong bốn thánh pháp giới, họ có thể không chế thân thể chẳng ngã bệnh, có thể không chế thân thể không ngã bệnh, tức là có thể không chế thân thể trường sanh bất lão. A La Hán có bản lãnh ấy. Bản lãnh của các Ngài do đâu mà có? Trong phần trước đã nói, họ đạt được ba môn giải thoát này. Các Ngài đạt được ở mức độ nông cạn, vì còn có chướng ngại, do trụ vào Không, chẳng trụ Có. Vì thế, các Ngài chẳng có hết thấy phiền não chướng ngại về Có, các Ngài đã buông xuống. A La Hán trụ nơi Không; thật ra, trụ nơi Không là sai lầm. Trụ Không thì chính mình đắc tự tại, nhưng chẳng thể giúp đỡ người khác! Bồ Tát biết Không và Có bất nhị, Không là Có, Có là Không, nên Bồ Tát có

thể giúp đỡ hết thảy chúng sanh, có thể cảm ứng thuận theo ý niệm của chúng sanh. Chúng sanh muốn thấy thân nào, Ngài bèn hiện thân như thế ấy, quý vị thấy tự tại lắm chứ! Đây là giảng cho chúng ta biết chân tướng sự thật.

Loại thứ hai là *“Vô Tướng giải thoát môn, vị kỳ tri nhất thiết pháp Không, cố quán nam nữ, nhất dị đẳng tướng, thật bất khả đắc”* (Vô Tướng giải thoát môn, nghĩa là đã biết hết thảy các pháp là Không, nên quán các tướng như nam, nữ, một, khác v.v... thật sự chẳng thể được). Tướng là huyễn tướng, cảnh giới ấy chẳng dễ hiểu. Hiện thời có những thứ khoa học kỹ thuật rất hữu ích cho sự học Phật của chúng ta, Phật pháp là khoa học. Xưa kia, tôi theo thầy Phương học Triết, thầy bảo tôi: *“Phật pháp là triết học”*. Khi thầy giới thiệu Phật pháp cho tôi, [đã bảo]: *“Thích Ca Mâu Ni Phật là vị triết gia vĩ đại nhất thế giới, kinh Phật là đỉnh cao nhất trong triết học, là đỉnh cao nhất trong triết học của toàn thể thế giới. Học Phật là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người”*. Tôi được dẫn dắt vào Phật môn như thế, học gần sáu mươi năm, nay đã biết: Không chỉ là đỉnh cao nhất trong triết học, mà còn là đỉnh cao nhất trong khoa học. Thích Ca Mâu Ni Phật không chỉ là một triết gia vĩ đại, mà còn là một khoa học gia vĩ đại, thật đấy, chẳng giả đâu! Ba ngàn năm sau khi đức Phật diệt độ, hiện thời các nhà Lượng Tử Lực Học mới phát hiện *“vật chất là hiện tượng do ý niệm tích lũy liên tục”*, nhưng từ ba ngàn năm trước, trong kinh Đại Thừa, đức Phật đã nói tới rồi. Do vậy, kinh Phật vượt trội khoa học hiện đại. Lượng Tử Học là ngành khoa học mới nhất, mà đã lạc hậu ba ngàn năm so với Thích Ca Mâu Ni Phật. Đức Phật giảng rõ ràng, minh bạch. Các hiện tượng ấy, giống như nay ta xem TV, hoặc xem phim ảnh, thấy [hình ảnh] trên màn bạc. Chúng ta biết [những hình tượng] trên màn bạc chẳng thật, ta có thể nhìn, nhưng chẳng thể không chế nó, chẳng thể chiếm hữu nó, ta có thể thương thức nó. Nếu có một người, vào một ngày nào đó, giống như những nhà khoa học Lượng Tử thật sự hiểu rõ, thật sự thông đạt, có phải là sẽ thấy hết thảy các hiện tượng trong hiện thời, thấy hết thảy nam nữ, thấy hết thảy các thứ một và khác; “một” là giống nhau, “khác” là chẳng giống nhau, tức là nói đối với hết thảy vạn vật, [họ] có thấy là “thật sự chẳng thể được” hay không? Có! Họ đã thấy được! Chúng tôi đọc báo cáo của họ, thấy đã nói tới chuyện ấy, nhưng họ như thế nào? Họ vẫn có ý niệm chiếm hữu, vẫn có ý niệm không chế, họ vẫn đang thật sự làm, đó là gì? Nói theo Phật pháp, nhà khoa học giải ngộ, đã hiểu rõ, nhưng chưa đoạn tập khí phiền não. Họ khác với người tu hành trong Phật môn! Người tu hành trong Phật môn là chứng ngộ. Quý vị thấy một đặng là giải ngộ, một đặng là chứng ngộ. Nay chúng ta gọi giải ngộ là tri thức (kiến thức), chứng ngộ là trí huệ. Trí huệ có thể giải quyết vấn đề, chẳng để lại hậu quả. Tri thức có thể giải quyết vấn đề, nhưng sau đó có hậu quả! Quý vị thấy họ nói giống như Phật pháp, nhưng họ vẫn một mực tranh danh đoạt lợi, vẫn có tự tư tự lợi. Đó là hậu quả, thuộc về giải ngộ, chẳng phải là chứng ngộ. Chứng ngộ hữu dụng, chính mình được thọ dụng, chính mình thật sự vượt thoát. Trong phần trước đã nói là *“vượt thoát Nhị Thừa”*. Chứng ngộ thì mới có thể vượt thoát, giải ngộ sẽ chẳng thể vượt thoát. Giải ngộ thì quý vị biết nhiều hơn Nhị Thừa, nhưng quý vị thọ dụng chẳng bằng Nhị Thừa, vẫn là phàm phu! Nói cách khác, trước kia, thầy Lý thường nói: *“Đáng luân hồi như thế nào thì vẫn luân hồi như thế ấy, chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi”*. Hàng Nhị Thừa vĩnh viễn thoát luân hồi, tuy chưa thoát ly mười pháp giới, nhưng đã thoát ly luân hồi. Các nhà khoa học chẳng có cách nào thoát ly luân hồi. Nếu họ thật sự giác ngộ, chẳng bận lòng vì thế giới hư huyễn này, chẳng khởi tâm, không động

niệm nơi cảnh giới, bèn vượt thoát, nhập vào [các địa vị] Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, đã chứng đắc.

Phật pháp chú trọng hành - chứng, tín - giải, đó là phương tiện. Công phu đặc lực do hành. Có hành và có chứng thì mới thật sự thọ dụng. Chẳng có hành, chẳng có chứng, chỉ dốc công đổ sức nơi tín giải, chưa đủ! Đó là gieo thiện căn trong Phật môn mà thôi! Thiện căn cũng cần thiết, vì người hành chứng trọn chẳng phải là thành tựu ngay trong một đời! Đời đời kiếp kiếp, vô lượng kiếp tu hành thì mới có thể chứng đắc. Chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật đã vì chúng ta thị hiện, biểu diễn: Mười chín tuổi, rời khỏi gia đình đi ra ngoài tham học, ba mươi tuổi buông xuống vạn duyên, nhập Định dưới cội Bồ Đề, đêm nhìn sao Mai, giống như Duyên Giác, cũng chẳng có thầy, nhìn ngôi sao ấy mỗi ngày nhưng chẳng khai ngộ. Ngày hôm ấy bèn khai ngộ, có nhiệm màu hay chẳng? Hằng ngày nhìn thấy mà chẳng khai ngộ, ngày hôm ấy trông thấy bèn khai ngộ là vì ngày ấy khác hẳn, tình tự khác nhau, cảnh quan bên ngoài của ngày hôm ấy được Phật lực gia trì, linh tánh dẫn dắt, hoá nhiên đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, có phải là ngẫu nhiên hay chẳng? Là biểu diễn. Trên thực tế thì sao? Trong kinh Phạm Võng, đức Phật đã nói thật: Ngài giáng thế lần này là thị hiện thành Phật lần thứ tám ngàn. Ngài đã sớm thành Phật, quý vị nói xem công phu hành chứng của Ngài sâu cỡ nào? Chúng ta là kẻ sơ học, làm sao có thể đạt đến cảnh giới ấy? Lục Tổ Huệ Năng đại sư đã thị hiện: Hai mươi bốn tuổi đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, cảnh giới của Ngài hoàn toàn bình đẳng với Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng hai, chẳng khác. Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật [quán sát căn cơ của chúng sanh, thấy] nên dùng thân Phật để độ, Ngài bèn hiện thân Phật. Huệ Năng đại sư ở Trung Quốc, hoàn cảnh của Trung Quốc thuở đó đã chẳng thích hợp thị hiện thân Phật, nên Ngài thị hiện thân tỳ-kheo, dùng thân tỳ-kheo để xuất hiện, nhưng cảnh giới bình đẳng, chẳng khác nhau. Điều này nói rõ: Dầu trong một đời này, chúng ta chẳng thể khế nhập cảnh giới này, chúng ta ngừng ở nơi tín giải, cũng có thể nói là tích lũy tín giải trong một thời gian rất lâu rồi mới có chân hành. Hiện thời, chúng ta đều chẳng phải là chân hành. Vì sao? Xen tạp vọng tưởng, tạp niệm, tự tư tự lợi, tiếng tăm, lợi dưỡng, ít nhiều gì thì trong ấy cũng xen tạp, chẳng thuần! Muốn đạt tới không xen tạp, trong kinh Đại Thừa, Phật, Bồ Tát thường dạy chúng ta, mà [pháp môn] Niệm Phật cũng dạy chúng ta. Ngài Đại Thế Chí dạy chúng ta “*tịnh niệm tiếp nối*”. Tịnh niệm là gì? Chúng ta niệm Phật mà hoài nghi thế giới Cực Lạc thì ý niệm chẳng thanh tịnh. Chúng ta niệm Phật còn xen tạp, vẫn thường nghĩ đến chính mình, niệm ấy chẳng thanh tịnh. Niệm thanh tịnh, chẳng có hoài nghi, chẳng xen tạp, trong tâm đúng là một câu Phật hiệu bèn hữu dụng!

Cư sĩ Lưu Tô Vân mắc chứng hồng ban lang sang (Systemic Lupus Erythematosus) gần mất mạng, còn nghiêm trọng hơn ung thư, đối với chứng bệnh này, Trung Y lẫn Tây Y đều chẳng có cách nào. Bà ta niệm Phật được lành, hiệu quả khiến cho kẻ khác kinh ngạc. Khi lành bệnh, trên mặt ngay cả một vết sẹo cũng không có! Điều này khiến vị bác sĩ điều trị chánh yếu của bà ta cũng chẳng có cách nào tưởng tượng được! Bà ta lành bệnh như thế nào? Thừa cùng quý vị, tịnh niệm tiếp nối! Bà ta thật sự làm được câu ấy, bà ta niệm A Di Đà Phật, chẳng hoài nghi tí nào, chẳng xen tạp chút nào! Từ tấm gương của bà ta, chúng ta có thể hiểu: Thân thể chúng ta bất luận bệnh tật gì, khi quý vị thật sự là “*tịnh niệm tiếp nối*”, sẽ niệm lành bệnh, có đạo lý hay không? Có! Đạo lý gì vậy? Hết tẩy các pháp sanh từ tâm tưởng. Thân và tâm của quý vị do tâm tưởng của chính quý vị sanh ra, nên tâm

tướng của chính quý vị có thể biến đổi nó. Tâm tướng của chúng ta bất thiện, nó bèn phát triển theo hướng trái nghịch, bèn ốm đau, tử vong, đi theo phương hướng ấy. Nếu chúng ta là tịnh niệm tiếp nối, nó bèn phát triển theo phương hướng tốt đẹp. Tốt đẹp là gì? Khỏe mạnh, sống lâu, đạo lý là như vậy đó! Có cần đến thuốc men hay không? Chẳng cần! Cư sĩ Lưu Tố Vân đã nêu gương khó có. Con người hiện thời chẳng có một mẫu gốc⁵ ở chỗ nào thì mọi người chẳng tin. Hễ có tấm gương thì quý vị bèn tin tưởng. Chúng ta nói “*con người tánh vốn lành*”, Tam Tự Kinh đã nói [như thế], [điều ấy] đã được học mấy ngàn năm: “*Nhân chi sơ, tánh bản thiện*”. Con người do giáo dục mà tốt đẹp, nhưng chẳng có ai tin tưởng. Mọi người nghe xong đều rất hoan hỷ, đều rất tán thán, nhưng làm chẳng được! Đó là lý tưởng, há có thể làm được? Chúng tôi làm thí nghiệm tại Thang Trì, chính chúng tôi cũng chẳng ngờ làm ba bốn tháng liền thành công, hiệu quả rõ rệt. Chúng tôi cảm tạ, bội phục tổ tiên, sao mà con người dễ dạy dướng ấy? Chỉ cần có người cầm đầu, có giáo viên tốt nêu gương cho họ thấy, xướng suất, họ tin tưởng, thật sự học theo. Quý vị thấy sau ba, bốn tháng, [người dân Thang Trì] bèn quay đầu. Quay đầu là bờ, phàm phu vừa quay đầu bèn là Phật, Bồ Tát.

Trong thế giới hiện tiền, bất luận làm gì đều phải có gương tốt, có điển hình tốt; nếu chẳng có, người ta chẳng tin! Phật pháp tốt đẹp như thế, thật sự có mấy người làm gương rõ rệt, xác thực là thân tâm của chính mình khỏe mạnh, gia đình hòa thuận, sự nghiệp rất thuận lợi, đối xử hòa hài với xóm giềng làng nước nơi ta cư trú, xã hội an định, thế giới hòa bình, [những điều này] có thể làm được, chẳng phải là không làm được! Do vậy, quý vị nhất định phải hiểu: Đây là trí huệ chân thật, hoàn toàn giống như kinh Đại Bát Nhã đã nói. Kinh Đại Bát Nhã đã dạy: “*Hết thấy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, bất khả đắc*”. Có rất nhiều người thấy điều này, [tưởng là Bát Nhã] dướng như quá tiêu cực! Bất khả đắc thì ta học nó để làm gì? Bất khả đắc mà hết thấy quý vị đều đạt được, quý vị đạt được gì? Quý vị đạt được tận hư không, khắp pháp giới. Quý vị có sở đắc, dốc hết tánh mạng mong cầu, nhưng đạt được hết sức hữu hạn, đạt một chút ít như thế! Lại nữa, một tí tạo ấy, đến cuối cùng, quý vị vẫn chẳng mang theo được. Thứ gì quý vị cũng đều chẳng đạt được. Khi quý vị bất khả đắc, thứ gì cũng đều đạt được, quý vị đạt được toàn thể pháp giới. Quý vị thấy chẳng phải là các vị Bồ Tát ấy đã đạt được hay sao? Khắp pháp giới hư không giới, chúng sanh có cảm, các Ngài bèn có thể hiện thân thuyết pháp, chẳng phải là các Ngài đã đạt được ư? Tự tại lắm! Tuy hiện hết thấy các thân, tuy nói hết thấy các pháp, nhưng tâm địa của chính mình là tâm thanh tịnh, bình đẳng, chẳng nhiễm trước mây may, chẳng kể công, chẳng nói “hôm nay ta làm chuyện tốt”. Chẳng có ý niệm ấy, làm mà chẳng làm! Tiếp đó, nói tới Vô Tác thì Vô Tác mang ý nghĩa này.

Bồ Tát, như Thích Ca Mâu Ni Phật đã biểu diễn trong thườ trước: Mỗi ngày đều vì mọi người giảng kinh, thuyết pháp, giáo học chẳng ngưng nghỉ. Một người tìm đến bèn dạy một người, hai người tìm đến bèn dạy hai người. Mấy trăm, mấy ngàn người tìm đến, bèn dạy mấy trăm, mấy ngàn người. Hằng ngày, người từ bốn phương tám hướng tìm đến

⁵ Nguyên văn là “*tiêu bản*” (標本), hiểu theo nghĩa hẹp là một thứ gì để làm mẫu, làm gốc trong sinh vật học. Chẳng hạn như người ta cắt một lát mô của một con vật ép lên một phiến thủy tinh mỏng để dễ quan sát hoặc dùng trong giảng dạy. Hiểu theo nghĩa rộng, tiêu bản là cái để nêu gương, làm mẫu.

rất náo nhiệt. Chúng ta thấy Phật giáo học khá vất vả, nhưng thật ra, đức Phật có mệt hay không? Đức Phật chẳng mệt! Vì sao? Ngài chẳng chấp tướng, Ngài chẳng làm, làm mà không làm. “Không làm” là về mặt tướng thì có làm, về mặt Sự thì có làm; nhưng theo Lý, chẳng làm; trong tâm chẳng làm! Ngài chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, Ngài làm gì? Do vậy, có người hỏi Ngài: “Vô Tác thì làm sao làm được?” Đức Phật dùng chuông, trống làm tỷ dụ. Ngài nói: “Quý vị thấy cái chuông đó, trong chuông có gì hay không?” “Trống không!” “Trong bụng cái trống có gì hay không?” “Trống không!” Gõ to bèn kêu to, gõ nhỏ bèn kêu nhỏ. Chẳng gõ, chẳng kêu! Khi quý vị gõ, trống có chẳng kêu hay không? Chẳng có! Chuông có chẳng kêu hay không? Không có. Chuông chẳng nói: “Quý vị gõ ta một tiếng, ngay lập tức ta dùng âm thanh đáp ứng”. Chẳng có! [Chuông, trống] chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước. Gõ là gì? Đức Phật bảo “*pháp nhĩ như thị*”, [nghĩa là] tự nhiên là như vậy. Chúng ta phàm phu thì không được! Người ta nêu câu hỏi, chúng ta suy nghĩ phải trả lời người ấy như thế nào; đó là hữu tác, hữu vi. [Đối với Phật, Bồ Tát], căn bản là chẳng nghĩ ngợi gì cả, thuận theo tự nhiên mà trả lời, vô tác, vô vi! Vô tác, vô vi là Tánh Đức khởi dụng; hữu tác, hữu vi là ý thức khởi dụng, khác hẳn! Ý thức khởi dụng là tạo nghiệp, tự tánh khởi dụng chẳng tạo nghiệp. Phật, Bồ Tát chẳng làm, không làm mà làm, làm mà không làm. Chư Phật, Bồ Tát hiện thân, hiện mà vô hiện, vô hiện mà hiện. Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết pháp, vô thuyết mà thuyết, thuyết nhưng vô thuyết, màu nhiệm ở chỗ này! Từ chỗ này, chúng ta có thể biết: Tam Không của Tiểu Thừa đúng là khác hẳn Tam Không của Đại Thừa. Tam Không của Tiểu Thừa có Tự Thọ Dụng, chẳng có Tha Thọ Dụng, cho nên chẳng viên mãn! Tam Không của Đại Thừa thì Tự Tha Thọ Dụng bình đẳng, chẳng có chướng ngại. Đó gọi là viên mãn, là Đại Tam Không tam-muội.

Tiếp đó, sách viết: “*Nhược năng như thị thông đạt chư pháp vô tướng, tức đắc tự tại, cố danh Vô Tướng giải thoát môn*” (Nếu có thể thông đạt các pháp vô tướng như thế, liền đắc đại tự tại, nên gọi là Vô Tướng Giải Thoát Môn). Tu môn giải thoát ấy, tôi tin tưởng người biết tu sẽ chẳng cần một thời gian rất dài, chắc chắn ba năm sẽ nhập tam-muội. Cách tu như thế nào? Xem TV phải biết xem. Khi xem TV mà chẳng biết xem, hoàn toàn bị ô nhiễm bởi TV. Khi biết xem, bản thể chính là Không, trọn chẳng thể được! Hằng ngày, quý vị thấy những gì diễn ra trên TV hoàn toàn giống như thế gian này. Những thứ ấy là giả, thế gian cũng là giả. Xem bằng cách như vậy suốt ba năm, quý vị bèn khai ngộ, xem TV bèn có thể thành Phật! Chẳng biết xem, sẽ đọa địa ngục, quý vị bị nó làm hư, trong tương lai, quý vị khởi tâm động niệm đều là tự tư tự lợi, tổn người, lợi mình, nên đọa địa ngục A Tỳ. Biết xem sẽ khai ngộ, biết xem là gì? Nguyên lai toàn là giả, chẳng có gì là thật, quý vị đắc tự tại! Vô tướng giải thoát, từ trong tướng mà thấy vô tướng. Do vậy, trong cảnh giới chẳng có thiện hay ác thật sự. Nói cách khác, hết thấy các pháp chẳng có đối lập. Thiện và ác là đối lập, chân và vọng là đối lập, tốt và xấu là đối lập, không có những thứ ấy. Chúng ta thấy Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần, nêu ra năm mươi ba pháp môn đều có thể chứng Vô Thượng Bồ Đề, đều có thể thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, há có chướng ngại! Nơi pháp chẳng có chướng ngại, nơi Lý và Sự chẳng có chướng ngại, chư pháp chẳng có chướng ngại. Chướng ngại là do vọng niệm của chính mình, đức Phật quy nạp các vọng niệm ấy thành ba món chướng ngại: Khởi tâm động niệm là món thứ nhất, phân biệt là món thứ hai, chấp trước là món thứ ba, những thứ ấy gây chướng ngại. Buông phân biệt, chấp trước xuống, chướng ngại bèn giảm một nửa. Đã đắc ba môn giải thoát của

Tiểu Thừa, buông khởi tâm động niệm xuống bèn đắc ba môn giải thoát của Đại Thừa. Người Tiểu Thừa nhập cảnh giới, đắc Thiên Chân Niết Bàn, buông phân biệt, chấp trước xuống, vượt thoát lục đạo luân hồi. Đại Thừa buông khởi tâm động niệm xuống, vượt thoát mười pháp giới, đắc đại tự tại.

Thứ ba, “*Vô Tác giải thoát môn. Vô Tác, hựu vân Vô Nguyên, vị nhược tri nhất thiết pháp vô tướng, tắc ư tam giới vô sở nguyên cầu*” (Vô Tác giải thoát môn. Vô Tác còn gọi là Vô Nguyên, ý nói: Nếu biết hết thấy các pháp vô tướng, sẽ đối với tam giới chẳng có mong mỏi gì). Quý vị biết “*phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”, sẽ trừ bỏ ý niệm mong cầu. Khế nhập cảnh giới gì? Khế nhập “*khắp pháp giới hư không giới và ta là một Thể*”. Thân của chúng ta là vật chất, bên trong là tinh thần, tinh thần của chúng ta tương ứng với tự tánh. Kinh Hoa Nghiêm nói Pháp Tánh, quý vị thấy đã mở rộng cỡ nào? Khi phục đến mức viên mãn, thân thể chúng ta và tất cả vật chất trong pháp giới hư không giới trở thành một Thể. Tâm là Pháp Tánh, thân là Pháp Tướng, đó là Pháp Thân Bồ Tát, là minh tâm kiến tánh. Minh tâm kiến tánh bèn chẳng còn chấp trước thân này là ta, [mà sẽ nhận biết] Pháp Tướng là thân ta, Pháp Tánh là tâm ta. Thân tâm ta còn lớn hơn cả vũ trụ, toàn thể vũ trụ là một hiện tượng do thân tâm của ta biến hiện, đó là Diệu Giác, viên mãn thành Phật. Trong khắp pháp giới hư không giới, quý vị khởi tác dụng là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm nhằm giảng chuyện như thế. Tâm và Pháp Tánh kết hợp thành một Thể, thân và Pháp Tướng dung hợp thành một khối. Chuyện là như vậy đó, nói về chuyện này, đó gọi là “*nhập Đại Bát Niết Bàn*”, vĩnh viễn chẳng có sanh tử. Trong ấy tràn ngập trí huệ, tràn đầy đức năng, tràn đầy tướng hảo. Cổ nhân có hai câu nói: “*Chẳng đọc Hoa Nghiêm, chẳng biết sự phú quý do thành Phật*”. Quý vị đọc Hoa Nghiêm rồi mới biết, thật sự đạt được phú quý viên mãn! Vua chúa trong nhân gian quá nhỏ. Đại Phạm Vương vẫn thua kém quá nhiều, Ma Hê Thủ La Thiên Vương vẫn chẳng sánh bằng! Cảnh giới ấy lại là bình đẳng, ai nấy đều có thể chứng đắc.

Bởi lẽ, hễ có nguyện cầu thì trật mắt rồi! Chúng ta học Phật, Phật còn bảo chúng ta phát nguyện, cầu sanh Tịnh Độ, vì sao? Cảnh giới [Cực Lạc] tốt đẹp như thế! Trong hoàn cảnh lục đạo của cõi này, chúng ta học chẳng thành công. Hoàn cảnh hiện thời bất lợi cho tu hành, quá nhiều chướng duyên; trong hoàn cảnh này, nếu chẳng có thiện tri thức chân chánh, thiện tri thức chân chánh là Phật, nhưng Phật chẳng tại thế, chẳng có đồng tham đạo hữu chân chánh, nên tu học vô cùng khó khăn. Đức Phật bảo chúng ta phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, nhằm thay đổi hoàn cảnh học tập. Hoàn cảnh trong cõi kia tốt đẹp, chẳng có chướng ngại, thầy ở bên kia là A Di Đà Phật. Ngoài A Di Đà Phật, còn có mười phương chư Phật Như Lai đều giúp A Di Đà Phật giáo hóa. Các Ngài thường đến thế giới Cực Lạc chẳng gián đoạn, thường xuyên lui tới. Nếu chúng ta sanh về thế giới Cực Lạc, sẽ có cơ hội thường xuyên gặp gỡ chư Phật, nghe các Ngài dạy bảo, thỉnh giáo các Ngài, hoàn cảnh ấy quá tốt đẹp. Trong hoàn cảnh ấy, muốn gì bèn có nấy, khi chẳng dùng, nó sẽ không còn nữa. Ở nơi đây, chúng ta cần tài liệu thì vẫn phải dùng kệ sách chất một đống lớn. Ở bên đó, họ muốn có tài liệu gì, nó liền bày ra trước mặt. Chẳng cần thì chẳng còn nữa. Không cần tồn trữ, quý vị nói xem có tự tại lắm hay không? Do vậy, giảng đường trong Tây Phương Cực Lạc thế giới sạch lầu, chẳng nhiễm mấy trần, một chút thừa thãi cũng chẳng có. Khi cần bèn biến hiện ở ngay trước mặt. Khi chẳng cần, bèn không còn nữa. Quý vị nói xem: Tự tại lắm, đúng là thuận theo lòng muốn!

Hoàn cảnh tốt đẹp dường ấy, quý vị muốn ăn, thích ăn, đến thế giới Cực Lạc muốn ăn thứ gì, thứ ấy bèn bày ngay trước mặt, chẳng cần phải nấu nướng, mùi vị đều là ngon lành nhất. Ăn xong, chẳng cần rửa, chẳng phải rửa chén, đĩa, chúng chẳng còn nữa, chẳng thấy nữa, giống như ảo thuật biến hiện. Chúng ta phải tin tưởng lời đức Phật nói là chân thật, chẳng phải là lời lẽ giả dối. Cách nói ấy chẳng phải là ảo tưởng, các nhà khoa học đã chứng thực. Nói theo Lý thì thông suốt, nhưng trên mặt Sự vẫn chưa làm được, vì sao không làm được? Khoa học kỹ thuật chưa đủ sức, vẫn chưa đạt tới cảnh giới ấy. Nói theo Lý thì năng lượng và vật chất có thể chuyển biến [thành lẫn nhau]. Họ có năng lượng ấy, trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn. Điều ấy thuộc về đức năng, họ có năng lực dùng niệm lực biến đổi năng lượng thành vật chất. Khi chẳng cần, bèn biến những vật chất ấy trở về năng lượng, chẳng còn nữa! Các nhà Vật Lý Học cận đại đã biết chuyện này, nghe nói bom nguyên tử được phát minh theo đạo lý này, từ vật chất giải phóng năng lượng. Hiện thời, chẳng có cách nào biến năng lượng thành vật chất, [phương pháp] khoa học kỹ thuật ấy vẫn chưa có. Nếu có, mọi người chẳng cần tranh đoạt tài nguyên như trong hiện tại, tự mình có thể biến ra! Tất cả vật chất đều do năng lượng biến hiện; hiện thời, mọi người đều hiểu đạo lý này. Chúng ta cần có vàng, bèn biến năng lượng thành vàng, vàng dùng chẳng hết. Hiện thời đã hiểu đạo lý sau đây: Hiện tượng vật chất khác nhau, có nhiều thứ vật chất là do tần số dao động khác nhau. Khi nào có thể khống chế tần số dao động, há chẳng phải là “*thuận theo lòng muốn*” ư? Người kiến tánh có bản lãnh, kẻ đã mê mất tự tánh bèn đánh mất bản năng (năng lực sẵn có). Đức Phật dạy chúng ta: Chẳng phải là thật sự đánh mất, mà là tạm thời mất đi; khi nào quý vị giác ngộ, nó bèn trở lại nguồn. Ngày nào giác ngộ, ngày ấy trở lại nguồn! Khi mê bèn mất đi, khi ngộ bèn trở lại nguồn, nó là Tánh Đức, Tánh Đức vĩnh viễn chẳng mất đi. Vì thế, có thể thật sự lý giải điều này, sau đây khắc chế chính mình, nghiêm túc tu hành, tu hành như thế nào? Chẳng tạo tác nghiệp sanh tử.

“*Nhược vô sanh tử chi nghiệp, tức vô quả báo chi khổ nhi đắc tự tại*” (nếu không có nghiệp sanh tử, sẽ được tự tại vì chẳng có nỗi khổ do quả báo). Nghiệp sanh tử là gì? Trong giáo pháp Đại Thừa thường nói, kinh này cũng có nói, Kiến Tư phiền não là nghiệp sanh tử, đừng nên tạo tác những nghiệp ấy nữa. Kiến Tư phiền não quy nạp thành sáu điều là tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến. Chẳng còn tạo sáu chuyện ấy, sẽ chẳng có sanh tử. Sanh tử là nghiệp luân hồi, [chẳng còn tạo Kiến Tư phiền não, sẽ] chẳng còn luân hồi trong lục đạo nữa. Do vậy, chớ nên tham. Đức Phật bảo chúng ta đoạn tâm tham, chẳng bảo chúng ta thay đổi đối tượng, nhất định phải hiểu rõ điều này. Vì sao? Rất nhiều người học Phật, sanh khởi tâm tham đối với Phật pháp, sai mất rồi! Đó là thay đổi đối tượng, chứ quý vị chẳng đoạn tâm tham. Như Lương Vũ Đế xưa kia, Lương Vũ Đế tham công đức, tham Phật pháp. Nhà vua chẳng làm chuyện ác, đã đoạn hết thấy ác, nhưng tham tu hết thấy thiện, đó là sai lầm! Đoạn ác tu thiện là đúng, chẳng sai, nhưng trong ấy chẳng có tham, sân, si, mạn, nghi, thì là đúng, đó là Phật pháp. Đoạn ác tu thiện, nhưng trong ấy còn có tham, sân, si, mạn, nghi, thì chỉ có thể nói là thiện pháp thế gian! Tu những thiện pháp ấy, đắc phước báo nhân thiên, chẳng đọa lạc tam đồ, nhưng không thoát khỏi luân hồi, chớ nên không biết điều này! Trong đoạn ác tu thiện, chẳng vì tự tư tự lợi, chẳng có đúng, sai, ta, người, chẳng có tham, sân, si, mạn, bèn thoát khỏi lục đạo. Nếu niệm Phật, đem công đức ấy hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ, quyết định được sanh, không chỉ vượt thoát lục đạo, mà còn vượt thoát mười pháp giới, công đức ấy thù thắng khôn sánh. Đây là cách giải thích thông thường đối với ba môn giải thoát.

Nay chúng ta quay lại đọc lời chú giải, tức chú giải kinh Vô Lượng Thọ: “*Không, Vô Tướng, Vô Nguyên giả, Tịnh Ảnh Sớ viết: Chúng sanh cập pháp, tất vô tự tánh, cố danh vi Không*” (Không, Vô Tướng, Vô Nguyên: Tịnh Ảnh Sớ giảng: “Chúng sanh và pháp đều chẳng có tự tánh, nên gọi là Không”). “*Chúng sanh và pháp*”: Nói thật ra, chúng sanh và pháp là một chuyện. Trong vũ trụ, Phật pháp gọi [vũ trụ] là “pháp giới”, chẳng gọi là vũ trụ mà gọi là pháp giới, pháp giới to hơn vũ trụ. Vạn sự vạn vật trong khắp pháp giới hư không giới phẩm loại vô lượng, vô biên, vô số, vô tận; trong giáo học, nhằm thuận tiện, đức Phật dùng một danh từ để gọi chung [vạn sự vạn vật] là Pháp. Vì thế, Pháp là danh từ chung thay cho hết thấy sự vật trong khắp pháp giới hư không giới. Chúng sanh và pháp do đâu mà có? Do các duyên hòa hợp sanh khởi, nên gọi là “*chúng sanh*”. Vì thế, “*chúng sanh*” có ý nghĩa vô cùng rộng rãi, chẳng có pháp nào sanh khởi độc lập, mà đều là các duyên hòa hợp. Thí dụ như hiện thời nói đến vật chất, các nhà khoa học thoạt đầu nói tới nguyên tử, nghĩ nguyên tử là nhỏ nhất. Về sau, khoa học tiến bộ hơn, biết nguyên tử chẳng phải là nhỏ nhất, còn có thể phân chia, chia thành điện tử, lại chia thành các hạt, lại chia thành những hạt cơ bản, gọi là Khoa-khắc (Quark). Nay lại biết thứ này vẫn có thể chia nhỏ, chia thành lượng tử (Quantum). Lượng tử còn gọi là tiểu quang tử, đại khái chẳng thể chia nhỏ hơn nữa. Phật pháp gọi những hiện tượng ấy là “vi trần”, hạt bụi rất nhỏ là “vi trần”. Vi trần vô cùng vi tế, trong kinh Phật cũng dùng tỷ dụ. Thô nhất, nhục nhãn vẫn có thể thấy được thì gọi là Ngưu Mao Trần (Go-raja). Lông bò rất thô, trên đầu sợi lông bò có một mảnh bụi dính ở đó, nay chúng ta biết nó có sức hút, vật chất có sức hút khiến mảnh trần ấy chẳng rơi xuống. Hạt trần ấy chia thành bảy phần, một phần bảy bèn gọi là Dương Mao Trần (Avi-raja). Lông dê mịn hơn lông bò, hạt trần dính trên đầu một sợi lông dê [thì gọi là Dương Mao Trần]. Dương Mao Trần lại chia thành bảy phần, một phần ấy gọi là Thỏ Mao Trần (Śasa-raja). Lông thỏ càng mịn hơn nữa. Người Trung Quốc dùng bút lông, rất nhiều loại bút chế bằng lông thỏ. Thỏ Mao Trần rất nhỏ, dính trên đầu sợi lông [con thỏ] chẳng rơi. Thỏ Mao Trần lại chia thành bảy phần, một phần ấy gọi là Thủy Trần (Ap-raja). Thủy là hiện tượng vật chất, nó có những kẽ hở, nhìn dưới kính hiển vi, những kẽ hở ấy rất lớn. Hạt bụi ấy có thể bơi qua bơi lại không chướng ngại giữa các khe hở của [những phân tử nước], nên gọi là Thủy Trần. Thủy Trần lại chia thành bảy phần thì một phần ấy gọi là Kim Trần (Loha-raja). Kim loại có mật độ cao, nhưng vẫn có các kẽ hở [giữa các phân tử]. Các hạt ấy có thể di chuyển tự do giữa các kẽ hở [của các phân tử] trong kim loại, chẳng bị chướng ngại. Hạt này quá nhỏ, nhục nhãn của chúng ta chẳng thấy được. Kim Trần lại chia thành bảy phần, một phần ấy gọi là Vi Trần (Aṇu), kinh dạy: Thiên Nhân của A La Hán có thể thấy vi trần, chẳng cần dùng máy móc mà có thể thấy. Vi Trần còn có thể chia nhỏ, lại chia thành bảy phần thì một phần ấy gọi là Sắc Tụ Cực Vi (Paramāṇu), A La Hán chẳng nhìn thấy, nhưng Bồ Tát có thể nhìn thấy. Sắc Tụ Cực Vi vẫn còn có thể chia nhỏ, lại chia thành bảy phần thì một phần gọi là Cực Vi Chi Vi, các vị Bồ Tát bình phàm chẳng nhìn thấy, đại khái là từ Thất Địa Bồ Tát trở lên mới có thể thấy. Vì thế, đức Phật dùng Trần làm đại biểu. Di Lặc Bồ Tát nói “*một hạt vi trần*” thì đại khái là nói tới Cực Vi Chi Vi, nhục nhãn của chúng ta tuyệt đối chẳng thấy được, trong một hạt vi trần ấy có thể giới. Có lẽ các nhà khoa học đã nhìn thấy Cực Vi Chi Vi như đức Phật đã nói, đó là gì vậy? Nhà khoa học nói tiểu quang tử, còn gọi là lượng tử, rất có thể là Cực Vi Chi Vi như Phật đã nói. Đức Phật nói trong ấy có thể giới, khoa học chưa nói đến. Người nào có thể tiến vào thế giới ấy? Kinh Hoa Nghiêm nói Phổ Hiền Bồ Tát có thể vào thế giới trong một vi trần. Thế giới trong vi trần và thế giới của chúng ta to như nhau, cũng có mười phương các cõi Phật,

cũng náo nhiệt. Phổ Hiền Bồ Tát có thể tiến nhập thế giới trong vi trần để tham học. Trong mỗi vi trần đều có thế giới, trong thế giới ấy còn có vi trần, trong vi trần còn có thế giới, trùng trùng vô tận, chẳng thể nghĩ bàn! Do nguyên nhân gì? Công đức của tự tánh vốn là như thế. Tuyệt đối chẳng một ai có thể suy lường hay tưởng tượng được. Tự tánh vốn trọn đủ đức tướng, [tức là] đức năng và tướng hảo, trùng trùng vô tận. Đúng như hai câu nói của cổ nhân: “*Không gì lớn ra ngoài, không gì nhỏ chẳng ở trong*”. Dùng Phật pháp để giải thích hai câu ấy sẽ giảng thấu triệt, chẳng sai tí nào! Cổ nhân Trung Quốc chẳng giảng rõ hai câu ấy. Vì thế, Phật giáo truyền đến Trung Quốc, đúng như ông Thang Ân Tỷ (Arnold J. Toynbee) đã nói: “*Phong phú hóa văn hóa bản địa của Trung Quốc*”. Tổ tiên đã nêu ra quan niệm này, đức Phật đã giải thích nó, chẳng khác nhau! Do vậy, trong Phật pháp có khoa học cao cấp, chẳng giả! Tin tưởng khoa học thì phải học ở nơi đâu? Phải học Phật. A Di Đà Phật là đại triết gia, đại khoa học gia. Các nhà khoa học phải đến du học trong thế giới Cực Lạc thì mới có thể đạt tới mức đẳng phong tạo cực. Nếu không, học những thứ khoa học [trong hiện thời], đều là những thứ khoa học trong vườn trẻ, chẳng mang lại hạnh phúc cho chúng sanh, mà đem lại tai nạn, nay chúng ta đã nếm mùi đau khổ rồi! Khi khoa học vừa mới khởi đầu hình thành, tuy rất ấu trĩ, nhưng rất khá, đem lại rất nhiều thuận tiện cho chúng ta, vì sao? Chẳng phá hoại thiên nhiên nghiêm trọng! Hiện thời, khoa học phát triển, nhưng chẳng liễu giải chân lý khoa học, mà cũng chẳng liễu giải triết học, thuận theo tham, sân, si mạn của chính mình mà phá hoại sự cân bằng sinh thái trong thiên nhiên, nay thiên nhiên trả thù, đó là dẫn đến hậu quả. Đây chẳng phải là trí huệ, mà là tri thức. Trong tri thức vẫn có ngu mê y như cũ! Các nhà khoa học chẳng sánh bằng Thanh Văn, Duyên Giác. Thanh Văn, Duyên Giác đã đạt được vô ngã, vô tư, còn các nhà khoa học Ngã Chấp hết sức kiên cố, vì tự tư tự lợi, khởi tâm động niệm tổn người, lợi mình. Khoa học dùng các thứ kỹ thuật để làm gì? Mở rộng tham, sân, si, mạn của họ, sai mất rồi! Vì thế, mang lại tai nạn cho cả địa cầu, chúng ta chớ nên không biết điều này. Chúng ta phải lý giải ý nghĩa của chúng sanh và pháp.

Sau đó, bảo quý vị, “*tất vô tự tánh*” (đều chẳng có tự tánh). Tự tánh là thể tánh của chính mình. Chẳng có tự tánh. Chúng do các duyên hòa hợp, duyên tụ thì có, duyên tán bèn chẳng còn nữa. Giống như căn nhà này, căn nhà chẳng có tự thể. Tự tánh là tự thể, thực thể; chẳng có [tự thể], nó do các duyên hòa hợp. Quý vị thấy cốt sắt, xi-măng, gạch, ngói, những thứ vật liệu xây dựng, do sức người kết hợp lại. Đó là các duyên hòa hợp, dựng lên căn nhà. Phá hủy đi, chất đồng tại đó, bèn là vật liệu xây dựng, chẳng thấy nhà nữa! Đức Phật bảo chúng ta, tất cả hết thảy các pháp tướng đều là các duyên hòa hợp mà hiện. Duyên tụ bèn có, duyên tán bèn diệt; vì thế, chúng chẳng phải là thật, mà là giả. Quý vị phải biết: Chúng chẳng có tự thể, chẳng có tự tánh, nên gọi là Không. Không là gì? Bản thể của nó chính là Không, căn nhà có tồn tại hay không? Người hiểu rõ ràng điều ấy, nó chẳng có bản thể, chỉ là [các duyên] kết hợp mà thôi, hễ tách rời [các duyên] bèn chẳng còn nữa! Vì thế, phải biết: Không là thật, Có là giả, chớ nên chấp trước giả hữu! “*Nãi chí nhân duyên, tướng diệt bất hữu*” (cho đến nhân duyên cũng chẳng có tướng); nhân duyên cũng chẳng thể đạt được. “*Thuyết vi Vô Tướng*” (nên nói là Vô Tướng). Chúng sanh và pháp đều vô tự tánh, nên gọi là Không. Vô Tướng do đâu mà có? Tướng nhân duyên cũng chẳng thật, nên gọi là Vô Tướng.

“*Thủ ly sở thủ*” (do vượt khỏi những cái bị giữ lấy), thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch. Thủ (取) là chiếm hữu, không chế. Đối với hết thảy các pháp, chẳng có ý niệm không chế, chẳng chiếm hữu, kể cả thân thể của chính mình. Điều này rất trọng yếu. Vì nếu ta chiếm hữu thân thể này, ta muốn có thân thể này, thân thể sẽ sanh bệnh, vì sao? Tâm quý vị chẳng bình thường, tâm ấy là vọng tâm. Phật, Bồ Tát chẳng có tâm ấy, vô ngã, không có ta, nên thân thể các Ngài là tự nhiên. Thân thể của các Ngài tương ứng với Pháp Tánh, tương ứng với Pháp Tướng. Vì thế, các Ngài vĩnh viễn chẳng suy, vĩnh viễn chẳng già, đạo lý là ở chỗ này. “*Viễn ly vọng tưởng năng thủ chi tâm*” (Xa lìa cái tâm vọng tưởng chấp lấy), Ngài chẳng có vọng tưởng, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước. “*Cố viết Vô Nguyện*” (nên nói là Vô Nguyện). Vô Nguyện chẳng phải là không làm chuyện gì, [mà là] chuyện gì cũng đều làm. Quý vị thấy Thích Ca Mâu Ni Phật, lấy Ngài làm thí dụ. Ngài xuất sanh trong thế gian này, vì chúng ta giảng kinh, giáo học suốt bốn mươi chín năm, vui sướng, chẳng mệt nhọc; nhưng suốt một đời Ngài, Ngài chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên gọi là Vô Nguyện. Vô Nguyện chẳng phải là không làm lụng, mà là làm lụng hết sức siêng năng. Do đó, nói: “*Làm nhưng chẳng làm thì gọi là Vô Nguyện, còn gọi là Vô Tác*”. Tướng mà vô tướng, chẳng chấp tướng, biết tướng ấy là huyễn tướng. Đối với hết thảy cảnh giới, đối với người, đối với sự, đối với vật, đều phải làm như thế nào? Phải thực hiện hiếu đễ, trung tín, lễ nghĩa, liêm sỉ, nhân ái, hòa bình. Tuy đã làm được, nhưng tâm địa thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, đó gọi là Vô Tướng. Tiểu Thừa gặp rắc rối ở chỗ nào? Tiểu Thừa thật sự rớt vào Không, họ chẳng làm, chẳng có nguyện, thật sự không làm, thật sự chẳng nghĩ tới, nên thật sự không làm. Vì thế, họ rơi vào bên Không, được gọi là Thiên Chân Niết Bàn. Trong Thiên Chân Niết Bàn, có sự vui sướng gì? Thanh tịnh! Thanh tịnh vô vi, họ hưởng thụ điều ấy. Bất quá, trong kinh, đức Phật đã nói: Họ hưởng thụ đã lâu, bèn từ từ giác ngộ, phải mất bao lâu? Hai vạn đại kiếp! Bích Chi Phật thông minh hơn họ, Bích Chi Phật một vạn đại kiếp bèn quay đầu. A La Hán phải mất hai vạn đại kiếp mới hồi Tiểu hướng Đại, hành theo Bồ Tát, cũng có thể ở trong tướng mà chẳng chấp tướng, tuy làm mà chẳng chấp tướng, mang ý nghĩa này.

Chúng ta xem đoạn tiếp theo: “*Hựu vân: ‘Quán chư pháp Không, thị danh Không’*” (Lại nói: “Quán hết thảy các pháp là Không, nên gọi là Không”), biết hết thảy các pháp vô tự tánh. “*Ư Không trung, bất khả thủ tướng*” (Trong cái Không, chẳng thể giữ lấy tướng). “*Thủ tướng*” là quý vị chấp trước. Trong Không, chẳng thể chấp trước Không. Chấp trước Không thì sai mất rồi! Vì vậy, trong Không chẳng thể giữ lấy tướng. “*Thị thời, Không chuyển danh Vô Tướng*” (khi ấy, Không đổi tên thành Vô Tướng). Vô Tướng là Không, Không là Vô Tướng, thay đổi danh từ, chúng ta gọi nó là Vô Tướng. “*Vô Tướng trung, bất ưng hữu sở tác*”, [nghĩa là] nếu là vô tướng, [tuy vẫn làm] nhưng chớ nên thấy có làm chuyện gì. “*Vi tam giới sanh, thị thời, Vô Tướng chuyển danh Vô Tác (tức Vô Nguyện)*” (để sanh trong tam giới, khi ấy, Vô Tướng đổi tên thành Vô Tác, tức là Vô Nguyện) Đây là giải thích ý nghĩa của ba danh từ, tương đồng với những ý nghĩa đã nói trong phần trước. Tiếp theo là một tỷ dụ: “*Thí như thành hữu tam môn, nhất nhân thân bất đắc nhất thời tòng tam môn nhập*” (Ví như cái thành có ba cửa, một thân người chẳng thể cùng một lúc vào được ba cửa). Mỗi người chúng ta có một thân thể, quý vị chẳng có cách nào vào ba cửa cùng một lúc. Quý vị chỉ có thể vào một cửa, một cửa thì quý vị có thể tiến vào được. “*Nhược nhập, tắc tòng nhất môn*” (nếu vào thì theo một cửa). “*Chư pháp Thật Tướng thị Niết Bàn thành*” (Thật Tướng của các pháp là thành Niết Bàn). Thật Tướng của chư pháp

là Pháp Tánh, là tự tánh. Nếu quý vị muốn kiến tánh, tức là “*nhập Niết Bàn thành*”. Vào như thế nào? Thành có ba cửa, có Không, có Vô Tướng, có Vô Tác, có ba môn ấy. “*Nhược nhân nhập Không môn, bất đắc thị Không, diệc bất thủ tướng, thị nhân trực hạ sự biện*” (Nếu người theo cửa Không mà vào, chẳng thấy là Không, cũng chẳng chấp tướng, thì người ấy ngay khi đó đã xong việc), [tức là] người ấy đã viên mãn. “*Cố bất tu nhị môn*” (nên chẳng cần đến hai cửa kia nữa), không cần theo hai cửa khác [để vào thành nữa], hễ vào được [một cửa] thì hết thảy đều đạt được! “*Bất đắc thị Không*” là chẳng chấp Không, “*diệc bất thủ tướng*” là chẳng chấp Có, tức là như trong phần trước đã nói: “*Chẳng trụ vô vi, chẳng trụ hữu vi*”. Quý vị thật sự kiến tánh! Nếu quý vị chấp Không, chấp Có, trọn chẳng vào được, chẳng tiến nhập được! Do hàng Tiểu Thừa chấp Không, chẳng chấp Có, tự nghĩ chính mình đã tiến nhập, nhưng [sự nhập ấy] chẳng thật, nên gọi là Thiên Chân Niết Bàn (Niết Bàn chấp chặt nơi Chân Đê). Nói cách khác, đó là tương tự Niết Bàn, chẳng phải là thật sự. [Niết Bàn] thật sự là nhị biên đều chẳng thể chấp, đó là Bồ Tát nhập. Bồ Tát nhập Bát Niết Bàn bèn thành Phật. Kinh Hoa Nghiêm nói người nào nhập đại tam không tam-muội? Đại Thừa, tức là Sơ Trụ Bồ Tát bèn nhập Không, Vô Tướng, Vô Nguyên. Sơ Trụ Bồ Tát dựa vào đâu để nhập? Ngài chẳng chấp trước. Ý niệm chấp trước đã đoạn, tâm phân biệt đã đoạn, khởi tâm động niệm cũng đã đoạn. Khởi tâm động niệm là Vô Minh, phân biệt là Trần Sa phiền não, chấp trước là Kiến Tư phiền não. Quý vị thấy đã đoạn Kiến Tư, đã đoạn Trần Sa, đã đoạn Vô Minh, vị ấy bèn minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, bèn chứng đắc Sơ Trụ trong Viên Giáo, vừa mới chứng đắc [ba môn giải thoát ấy]. Ngài trụ nơi đâu? Thật sự trụ trong thành Đại Niết Bàn. Thành Đại Niết Bàn là chỗ nào? Cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai.

Chúng ta bèn hiểu đoạn văn này giảng về cảnh giới của cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Chúng ta chưa đạt tới cảnh giới này, quý vị chẳng tương ứng với nó. Cõi Thật Báo chẳng có cửa, đi vào bằng cách nào? Khí phận phù hợp bèn tiến nhập! Người ta tâm rất thanh tịnh, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều chẳng có. Nếu chúng ta nói chính mình đã đoạn hết phân biệt, chấp trước, nhưng còn khởi tâm động niệm, [như vậy thì] sẽ chẳng vào được! Còn khởi tâm động niệm sẽ đến nơi đâu? Đến bốn thánh pháp giới, là “Niết Bàn thành” của Tiểu Thừa. Cõi Thật Báo là “Niết Bàn thành” của Đại Thừa Bồ Tát, khác hẳn. Chúng ta phải hiểu những điều này, phải liễu giải rất sâu, phải nhận thức rất rõ rệt, giúp chúng ta nâng cao cảnh giới, giúp chúng ta thật sự chịu buông xuống. Chẳng liễu giải sẽ chẳng chịu buông xuống; chẳng biết buông xuống tốt đẹp dường ấy! Buông xuống là trở về quê nhà, phải biết Thường Tịch Quang Tịnh Độ là quê hương của chúng ta. Chúng ta đến thế giới Cực Lạc, đến cõi Thật Báo Trang Nghiêm của A Di Đà Phật, là đến cửa ngõ của quê hương. Phải biết điều này! [Đã đến cửa ngõ, nhưng] chưa vào cửa, vì sao? Tập khí vô minh chưa đoạn sạch. Trong kinh Phật có nói: Đoạn sạch tập khí của bốn mươi một phẩm vô minh, quý vị bèn bỏ địa vị Đẳng Giác, chứng đắc Diệu Giác, nhập Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Chúng ta từ Thường Tịch Quang mà ra, chư vị phải biết điều này. Thường Tịch Quang là quê nhà, từ Thường Tịch Quang đi ra. Thường Tịch Quang được sách Hoàn Nguyên Quán gọi là “*tự tánh thanh tịnh viên minh thể*”, đó là bản thân chân thật của chúng ta, là quê nhà của chúng ta. Do một niệm bất giác, bèn ra khỏi, từ Thường Tịch Quang biến hiện cõi Thật Báo, nhưng chúng ta vẫn chưa hưởng thụ cõi Thật Báo, đọa quá nhanh, đọa xuống dưới. Một niệm bất giác, xuất hiện ba tế tướng, tức là ba tế tướng của A Lại Da; khi ấy, có thể biến hiện y báo và chánh báo trang nghiêm của mười pháp giới. Khởi tâm động

niệm, vô minh dấy lên, kế đó là phân biệt, từ phân biệt, ngay lập tức dấy lên chấp trước. Phân biệt là bốn thánh pháp giới xuất hiện, chấp trước là lục đạo luân hồi xuất hiện. Đến như thế nào, trở về ra sao, phải hiểu rõ ràng, phải minh bạch điều này!

Chúng ta cũng chẳng bỏ nơi đây được! Vẫn lưu luyến như thế đó, rất phiền! Quý vị có phải quay về hay không? Phải quay về, dù sớm hay trễ! Quý vị đã lưu luyến, bỏ chẳng được, thôi rồi! Quý vị lại luân hồi trong lục đạo! Phật, Bồ Tát thừa kiên nhẫn, Phật, Bồ Tát thật sự từ bi, các Ngài chờ quý vị bên đó, ngày nào quý vị thật sự [cảm nhận] chịu tội trong lục đạo đủ rồi, chẳng muốn chịu nữa, Phật, Bồ Tát bèn đưa tay giúp đỡ, đến dạy quý vị. *“Thương căn lợi trí, thiện căn sâu dày”* là gì? Đó là gì? Trong lục đạo chịu hết mọi nỗi khổ, đã giác ngộ, chẳng muốn luân hồi nữa. Oan oan tương báo với các chúng sanh, đòi nợ, trả nợ chẳng xong, chẳng hết! Hằng ngày diễn những trò đó, chẳng biết những thứ ấy toàn là rỗng tuếch, là một giấc mộng. Thật sự hiểu rõ thì như kinh Kim Cang đã nói rất hay: *“Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”*, đời người như giấc mộng, thật đấy, chẳng giả đâu! Tạo thiện bèn hưởng vui trong mộng; tạo ác bèn chịu khổ trong mộng. Tỉnh giấc, hoàn toàn rỗng tuếch, thứ gì cũng chẳng có, đạo lý này rất sâu, rất khó hiểu. Do vậy, thuở tại thế, đức Phật giảng chuyện này, giảng đạo lý này, giảng Bát Nhã suốt hai mươi hai năm. Hai mươi hai năm chẳng kể là dài, đã thật sự giác ngộ, quý vị sẽ vĩnh viễn thoát ly lục đạo luân hồi, chẳng làm chuyện ngốc nghếch nữa. Duyên đặc biệt thù thắng, chúng ta rất may mắn, chúng tôi đang nói điều gì vậy? Nói quý vị gặp gỡ pháp môn Tịnh Độ, quý vị thật may mắn, Bồ Tát đều hâm mộ quý vị, gặp gỡ Tịnh Độ là thành Phật trong một đời! Chẳng phải là thành A La Hán, chẳng phải chỉ thoát ly lục đạo luân hồi, thoát ly mười pháp giới, mà còn thoát ly cõi Thật Báo, trực tiếp trở về tự tánh, trở về tự tánh viên minh thể, tuyệt diệu quá! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này.